

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24-3-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Phước.

2. Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lê Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* chị Lê Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Văn K trình bày:

Về hôn nhân: anh K và chị Lê Thị T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào tháng 8/1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh K và chị T chung sống hạnh phúc, đến tháng 09/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh K và chị T sống ly thân từ tháng 09/2017 cho đến nay. Nay anh K xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, nên anh K yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa anh và chị T không phải là vợ chồng; về con chung: trong

thời gian chung sống anh K và chị T có ba con chung tên là Lê Vũ L, sinh ngày 19/01/1992, Lê Tiểu L, sinh ngày 20/02/1994 và Lê Thị U, sinh ngày 16/3/1996. Hiện nay Vũ L, Tiểu L và U đều đã thành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, anh K không yêu cầu về con chung; về tài sản chung: trong thời gian chung sống anh K và chị T có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa chị T vắng mặt không có trình bày ý kiến. Tuy nhiên, nội dung bản tự khai do chị T lập ngày 01 tháng 3 năm 2021: chị T thống nhất với phần trình bày của anh K về thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn; thống nhất về phần con chung, tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: chị T thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh K là vợ chồng; về con chung: chị và anh K có ba con chung tên là Lê Vũ L, sinh ngày 19/01/1992, Lê Tiểu L, sinh ngày 20/02/1994 và Lê Thị U, sinh ngày 16/3/1996. Hiện nay Vũ L, Tiểu L và U đều đã thành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, chị T không yêu cầu về con chung; về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị T và anh K có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Lê Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K với chị T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn,” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu về hôn nhân của anh K. Anh K và chị T tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 8/1990, trên tinh thần tự nguyện của anh chị. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh

phúc, đến tháng 09/2017 thì anh chị không sống chung cho đến nay. Xét anh K và chị T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8/1990, có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ của anh chị không làm phát sinh nguyên, nghĩa vụ giữa vợ chồng; chị T và anh K đều không muốn hàn gắn để chung sống với nhau và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu của anh K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: chị T và anh K cùng xác định, anh và chị có ba con chung tên là Lê Vũ L, sinh ngày 19/01/1992, Lê Tiểu L, sinh ngày 20/02/1994 và Lê Thị U, sinh ngày 16/3/1996. Hiện nay Vũ L, Tiểu L và U đều đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, anh K và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Anh K và chị T đều thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: chị T không chịu án phí; anh K phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn K.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn K và chị Lê Thị T.

2. Về con chung: con chung giữa anh K và chị T là Lê Vũ L, sinh ngày 19/01/1992, Lê Tiểu L, sinh ngày 20/02/1994 và Lê Thị U, sinh ngày 16/3/1996. Hiện nay Vũ L, Tiểu L và U đều đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, anh K và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: anh K không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: chị T không phải chịu án phí; anh K phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng anh K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003039 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, anh K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã A1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan